TẠP CHÍ KHOA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
Tập 17, Số 2 (2020): 305-320
ISSN: 1859-3100
HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE
Vol. 17, No. 2 (2020): 305-320
Website: *http://journal.hcmue.edu.vn*

Bài báo nghiên cứu

CÁCH XỬ LÍ VẤN ĐỀ LIÊN KẾT TRONG DỊCH THUẬT NGÔN NGỮ BÁO CHÍ CỦA SINH VIÊN KHOA TIẾNG ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thanh Tùng
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Tác giả liên hệ: Nguyễn Thanh Tùng – Email: tungnth@hcmue.edu.vn
Ngày nhận bài: 27-02-2019; ngày nhận bài sửa: 22-3-2019; ngày duyệt đăng: 10-02-2020

TÓM TẮT

Bài viết tìm hiểu cách sinh viên (SV) chuyên ngành biên-phiên dịch xử lí những vấn đề thuộc liên kết văn bản trong dịch thuật. Lí thuyết về liên kết văn bản được lấy từ Halliday (1976) và Trần Ngọc Thêm (1985). Cứ liệu được thu thập từ một tập hợp bốn bài dịch báo chí của 36 SV năm thứ 3 khoa Tiếng Anh Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy SV còn gặp khá nhiều khó khăn khi xử lí những vấn đề thuộc liên kết văn bản trong dịch thuật, trong đó khó khăn lớn nhất là tỉnh lược, rồi đến liên từ, và cuối cùng là quy chiếu. Khi gặp khó khăn, SV thường dựa vào các chuẩn mực của ngôn ngữ nguồn để xử lí bản dịch.

Từ khóa: liên kết; tỉnh lược; liên từ; quy chiếu; ngôn ngữ nguồn; ngôn ngữ đích

1. Dẫn nhập

Với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập ngày nay, trong đó tiếng Anh đóng vài trò ngôn ngữ trung gian khá phổ biến thì nhu cầu chuyển ngữ từ tiếng Việt sang tiếng Anh, và ngược lại, gia tăng đáng kể. Nhu cầu giao lưu và phát triển xã hội ngày càng cao đòi hỏi phải nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về dịch thuật không chỉ trên bình diện thực tiễn mà cả trên cơ sở lí luận khoa học, hay nói cách khác trên bình diện lí thuyết dịch, vì đây là cơ sở khoa học làm kim chỉ nam cho hoạt động dịch thuật cũng như dựa vào đó ta có thể đánh giá chất lượng bản dịch thay vì chỉ dựa vào trực giác của người đánh giá.

Có nhiều quan điểm khác nhau về đơn vị dịch thuật tùy cách tiếp cận: dịch bám sát văn bản trong ngôn ngữ nguồn hay dịch tự do hơn dựa vào ngôn ngữ đích (Newmark, 1988, p.54). Theo hướng đầu, ta có đơn vị dịch là hình vị, từ, nhóm từ, mệnh đề và câu. Theo hướng sau, cần mở rộng đơn vị dịch, vượt khỏi ranh giới của câu và đưa thêm vào các đơn vị lớn hơn như đoạn văn và thậm chí văn bản.

Cite this article as: Nguyen Thanh Tung (2020). The handling of cohesion in journalism translation by students at the English Department in Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 17*(2), 305-320.

Với cách tiếp cận xem câu là đơn vị dịch lớn nhất, có thể kể các tài liệu dịch của Nguyen Thanh Luong (2000) và Ha Van Buu (2004). Tuy vậy, với cách tiếp cận này cũng có hai trường phái khác nhau. Theo lí thuyết phân đoạn thực tại câu (Functional Sentence Perspective) với đại diện là Jan Firbas thì câu được chia làm 2 thành phần dựa vào thông tin đã cho hay thông tin mới. Vì vậy, khi ứng dụng vào dịch thuật, cần tách câu thành 2 thành phần này và dịch trước (dẫn theo Newmark, 1988, p.31).

Khi xem đơn vị dịch không chỉ là những đơn vị ở cấp độ câu mà còn là những đơn vị lớn hơn câu, các nhà nghiên cứu đề xuất các cách tiếp cận khác nhau, như dùng ngữ pháp chức năng hệ thống của Halliday (1978). Hướng này đã được Bell (1991) sử dụng trong công trình về dịch thuật của mình, hoặc "Chuỗi đề trong dịch thuật" của Xue và Xie (2004) dùng ngữ pháp chức năng để đánh giá cách người dịch xử lí sự phân bố thông tin cũ và mới trong văn bản của ngôn ngữ nguồn trong ngôn ngữ đích. Tuy vậy, các bài viết liên quan đến khía cạnh liên kết diễn ngôn vẫn còn ít và không đi sâu vào chi tiết.

Đây cũng là vấn đề quan tâm trong bài viết này và là hướng được đề xuất khi phân tích và đánh giá các bản dịch của người học, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến liên kết văn bản trong dịch thuật dựa vào cơ sở lí luận về liên kết văn bản của hai tác giả Halliday (1976) đối với văn bản tiếng Anh và Tran Ngoc Them (1985) đối với văn bản tiếng Việt.

Trên thực tế, vấn đề này có tầm quan trọng trong dịch thuật do "sự liên kết, tính mạch lạc và việc tổ chức văn bản" là một trong các tiêu chí để đánh giá các bản dịch ngoài sự chính xác trong việc chuyển di thông tin, sự lựa chọn phù hợp từ vựng, thành ngữ, thuật ngữ và ngữ vực, và sự chính xác trong các khía cạnh kĩ thuật của phép chấm câu (Munday, 2008, p.31).

Môn dịch, gồm cả dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt lẫn dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh, là một chuyên ngành nằm trong chương trình đào tạo cử nhân Biên - phiên dịch của Khoa Tiếng Anh Trường ĐHSP TPHCM. Để dịch tốt, ngoài những vấn đề như ngữ pháp ở cấp độ câu, người học cần chú ý đến vấn đề liên kết ở cấp độ trên câu hay liên kết văn bản hoặc liên kết diễn ngôn do có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ Anh và Việt. Dù không phủ nhận vai trò của các đơn vị ở cấp độ câu trong biên dịch, nhưng qua kinh nghiệm giảng dạy, chúng tôi nhận thấy liên kết ở cấp độ trên câu cũng cần được quan tâm. Do đã có nhiều công trình nghiên cứu về dịch thuật ở cấp độ câu và rất hiếm công trình nghiên cứu về dịch thuật ở cấp độ trên câu, đặc biệt là các vấn đề liên kết, nên cần có các nghiên cứu về vấn đề liên kết văn bản trong dịch thuật.

Vì vậy, đề tài này được thực hiện nhằm tìm hiểu những khó khăn SV gặp phải đối với những vấn đề liên quan đến liên kết trong câu và trên câu, hay liên kết văn bản. Chính vì vậy, hai câu hỏi nghiên cứu chính được đặt ra là:

1. Những vấn đề SV gặp khi dịch những nội dung liên quan đến liên kết văn bản là gì?
2. SV xử lí như thế nào khi gặp những vấn đề liên quan đến liên kết văn bản trong khi dịch?

2. Cơ sở lí luận

2.1. Liên kết văn bản

Cho đến thập niên 70 thế kỉ XX, các nhà ngôn ngữ học vẫn cho rằng đơn vị lớn nhất trong việc nghiên cứu ngôn ngữ là câu. Tuy nhiên, sau đó ngữ pháp văn bản hình thành với đơn vị nghiên cứu vượt qua ranh giới câu. Ngữ pháp văn bản đã chứng minh văn bản là một đơn vị ngôn ngữ chỉnh thể, trọn vẹn về mặt nội dung và hình thức. Giữa các câu trong văn bản có những mối liên kết chặt chẽ.

Khi nói đến lĩnh vực liên kết văn bản, các nhà ngôn ngữ học ở Việt Nam thường nghĩ đến hai nhà nghiên cứu được xem là đặt nền móng cho việc nghiên cứu liên kết văn bản trong tiếng Việt và tiếng Anh, đó là Tran Ngoc Them (1985) với công trình nghiên cứu "Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt" và Halliday (1976) với công trình nghiên cứu "Liên kết trong tiếng Anh".

Theo Tran Ngoc Them (1985), các phương thức liên kết giữa các phát ngôn, chung cho cả ba loại phát ngôn (câu tự nghĩa (câu đã có đủ nghĩa và trọn vẹn về cấu trúc ngữ pháp), câu hợp nghĩa (câu tự chúng chưa đủ nghĩa nhưng trọn vẹn về cấu trúc ngữ pháp), và ngữ trực thuộc ("câu" vừa chưa đủ nghĩa vừa không trọn vẹn về cấu trúc ngữ pháp)), bao gồm các phép liên kết như sau: lặp (từ vựng, phữ pháp, ngữ âm), phép đối, phép thế đồng nghĩa, phép liên tưởng, và phép tuyến tính; các phương thức liên kết hợp nghĩa có phép thế đại từ (khiếm diện, dự báo, hồi quy), phép tỉnh lược (liên kết và yếu), phép nối (liên kết và lỏng); các phương thức liên kết trực thuộc gồm phép tỉnh lược mạnh, phép nối chặt.

Halliday (1976) đưa ra một hệ thống liên kết trong tiếng Anh gồm 5 phương tiện liên kết hình thức như sau: phép quy chiếu, phép thế, phép tỉnh lược, phép nối, và phép liên kết từ vựng. Phép quy chiếu dùng đại từ, hoặc từ chỉ định được chia làm 3 loại dùng để quy chiếu cho từ, nhóm từ đã xác định trước đó (hồi chỉ), sau đó (khứ chỉ), bên ngoài trong văn cảnh tình huống (ngoại chỉ). Ba loại quy chiếu là: dùng mạo từ xác định "the"; dùng đại từ chỉ định "that", "this", "those", và "these", và dùng đại từ như "he", "she", "they", "mine", "hers", và "theirs". Phép thế giúp cho người viết thêm được những cách liên kết với từ, ngữ mà đã được đề cập trước, cũng như tránh tình trạng lặp. Phép tỉnh lược sẽ lược bỏ đi từ hay cụm từ đã được đề cập trước để giảm thiểu câu và tránh hiện tượng lặp. Phép nối đóng vai trò then chốt trong mạch tư duy của người viết, nhờ vào nó mà từ, cụm, mệnh đề, câu được kết nối logic, mạch lạc, tạo cho bài viết sự gắn kết và được chia thành 4 loại: cộng tố, đối lập, nguyên nhân và thời gian. Cuối cùng là việc dùng từ vựng tạo mối liên kết giữa các đơn vị ngôn ngữ với nhau. Phép liên kết từ vựng được chia thành 3 kiểu: phép lặp; phép dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa và trái nghĩa; và phép phối hợp từ ngữ.

Như vậy, các phương tiện liên kết giúp tạo nên một mạng lưới kết dính các câu văn lại với nhau thành một khối thống nhất, giúp cho bài viết trở nên mạch lạc, súc tích.

2.2. Liên kết văn bản trong lí thuyết dịch

2.2.1. Các phương pháp dịch

Theo Newmark (1988) có tất cả 8 phương pháp dùng trong dịch thuật và được chia thành 2 nhóm dựa vào tiêu chí là người dịch chú ý đến ngôn ngữ nguồn hay ngôn ngữ đích khi dịch. Do vấn đề liên kết văn bản trong dịch thuật gắn với việc người dịch sử dụng chuẩn mực ngôn ngữ nào – của ngôn ngữ nguồn hay ngôn ngữ đích – khi dịch, nên phần này trình bày những vấn đề cốt lõi của các phương pháp dịch này.

Nhóm phương pháp đầu tiên này bám sát ngôn ngữ nguồn khi dịch. Các phương pháp thuộc nhóm này gồm: dịch đối từ, dịch nguyên văn, dịch trung thành, và dịch ngữ nghĩa (Newmark, 1988, p.45-46). Dịch từ đối từ là phương pháp dịch theo đó từng từ một trong ngôn ngữ nguồn sẽ được dịch sang ngôn ngữ đích. Các từ đơn lẻ được dịch dùng nghĩa phổ biến nhất của từ và vì vậy không xét đến ngữ cảnh của từ. Trật tự từ, hay ngữ pháp, trong ngôn ngữ nguồn được giữ nguyên trong ngôn ngữ đích. Dịch nguyên văn cũng giống như dịch từ đối từ, nghĩa là từng từ một được dịch riêng lẻ, không có ngữ cảnh. Sự khác biệt duy nhất giữa phương pháp dịch này với phương pháp dịch trên nằm ở chỗ: kết cấu ngữ pháp của ngôn ngữ nguồn được chuyển thành cấu trúc tương đương trong ngôn ngữ đích. Dịch trung thành là nỗ lực tạo ra ý nghĩa theo ngữ cảnh chính xác của ngôn ngữ gốc theo những hạn chế về cấu trúc ngữ pháp trong ngôn ngữ đích. Cuối cùng, dịch ngữ nghĩa chỉ khác với dịch trung thành là phải chú ý nhiều đến các giá trị thẩm mĩ của ngôn ngữ gốc.

Nhóm phương pháp thứ hai dựa vào ngôn ngữ đích khi dịch. Các phương pháp thuộc nhóm này gồm: phỏng dịch, dịch tự do, dịch đặc ngữ và dịch giao tiếp (Newmark, 1988, p.46-47). Phương pháp phỏng dịch là dạng tự do nhất trong dịch thuật, được sử dụng chủ yếu cho các vở kịch (hài kịch) và thơ ca. Theo đó, chủ đề, nhân vật và cốt truyện thường được giữ nguyên, văn hóa trong ngôn ngữ gốc được chuyển đổi sang văn hóa của ngôn ngữ đích và văn bản được viết lại. Dịch tự do là phương pháp dịch tạo ra các văn bản trong ngôn ngữ đích mà không theo hình thái của bản gốc. Dịch đặc ngữ là tái tạo thông điệp của bản gốc, nhưng có xu hướng bóp méo sắc thái nghĩa của ngôn ngữ gốc do khi dịch sử dụng thành ngữ hoặc lối nói thông tục không tồn tại trong bản gốc. Cuối cùng, dịch giao tiếp cố gắng truyền đạt chính xác nghĩa ngữ cảnh của bản gốc sao cho cả nội dung lẫn hình thức diễn đạt người đọc có thể cảm nhận và hiểu được.

2.2.2. Một số vấn đề cần lưu ý về liên kết văn bản trong dịch thuật

Larson (1998, p.443) nêu rõ tầm quan trọng của việc xem đại từ như là phương tiện liên kết diễn ngôn, đặc biệt là do các đại từ không được sử dụng như nhau trong các ngôn ngữ. Chẳng hạn trong tiếng Anh, người ta thường giới thiệu người tham gia mới bằng cách dùng danh ngữ rồi sau đó quy chiếu vào người tham gia này dùng đại từ xuyên suốt phần

còn lại của đoạn văn và việc làm này khá phổ biến. Trên thực tế, đại từ thường được sử dụng để cho thấy người tham gia cụ thể này là chủ đề của cả đoạn văn.

Còn trong tiếng Việt, ta có thể dễ dàng nhận thấy đại từ không thường được sử dụng để quy chiếu hồi chỉ người hoặc vật được giới thiệu ở câu đầu tiên trong đoạn văn. Thay vào đó, lặp từ vựng hoàn toàn thường được sử dụng trong cả đoạn văn. Sự khác biệt này trong liên kết ở cấp độ ngữ pháp trên câu cần được lưu ý. Nếu không, ta có thể sử dụng những hình thái không được xem là chuẩn mực trong một ngôn ngữ dù rằng trong ngôn ngữ kia việc sử dụng như thế nghe rất tự nhiên.

2.3. Các nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài

Trong hơn một thập niên vừa qua, phân ngành Ngôn ngữ học so sánh phát triển khá mạnh ở Việt Nam với nhiều công trình nghiên cứu so sánh giữa hai ngôn ngữ, đa phần vẫn là so sánh tiếng Việt và tiếng Anh. Có khá nhiều tác giả nghiên cứu về hệ thống liên kết trong tiếng Việt và tiếng Anh, so sánh hệ thống liên kết trong tiếng Việt và tiếng Anh. Tuy nhiên, những nghiên cứu như thế này chỉ dừng lại ở chỗ so sánh, mà hiếm có công trình nào đi sâu tìm hiểu cách chuyển dịch các phương tiện liên kết từ tiếng Anh sang tiếng Việt, hay ngược lại, từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Tuy vậy, có thể liệt kê hai nghiên cứu sau đây (cùng tác giả với bài nghiên cứu này).

Nguyen Thanh Tung (2009) nghiên cứu những vấn đề SV khoa tiếng Anh Trường ĐHSP TPHCM gặp phải khi dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Cứ liệu được thu thập dựa vào một lớp với 44 SV ở học kì I năm học 2008-2009. Kết quả nghiên cứu cho thấy SV còn gặp phải một số vấn đề khi dịch *nghĩa* những đơn vị thuộc từ vựng và ngữ pháp. Những SV này nhận thấy còn gặp khá nhiều khó khăn khi xử lí các loại *ý nghĩa* thứ yếu ngoài nghĩa cơ bản và những vấn đề về *thì, cụm từ, đại từ liên hệ*, và đặc biệt là *cấu tạo từ ngược* (từ danh từ thành động từ) trong ngôn ngữ nguồn.

Nguyen Thanh Tung (2013) bước đầu nghiên cứu những vấn đề liên quan đến ngữ pháp văn bản SV gặp phải trong dịch thuật. Tác giả tìm hiểu cách xử lí vấn đề ngữ pháp văn bản trong các bản dịch Anh – Việt và Việt – Anh của 45 SV năm 3 chuyên ngành Biên - phiên dịch Khoa Tiếng Anh Trường ĐHSP TPHCM. Cứ liệu được thu thập từ một tập hợp bốn bài dịch và phân tích trên cơ sở lí thuyết về ngữ pháp văn bản của Halliday (1976) và Trần Ngọc Thêm (1985). Kết quả nghiên cứu cho thấy bước phân tích nghĩa trước khi dịch đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là khi đơn vị dịch vượt ra khỏi ranh giới của câu, do có liên kết nghĩa giữa các câu và do chuẩn mực của các phương tiện liên kết hình thức không phải lúc nào cũng tương đương giữa hai ngôn ngữ. Tác giả cũng bước đầu xác định các loại lỗi SV gặp phải khi xử lí vấn đề ngữ pháp trên câu trong quá trình giảng dạy và nghiên cứu dịch thuật. Cụ thể là liên kết dùng phép quy chiếu trong tiếng Việt thường hay dùng lặp từ vựng hoàn toàn để chỉ người hoặc vật đã được giới thiệu trong câu trước. Khi dịch, SV chuyển di quy tắc ngữ pháp trên câu như vậy sang tiếng Anh dẫn đến bản dịch có từ ngữ sử dụng không được tự nhiên, và không theo chuẩn mực trong ngôn ngữ đích là

tiếng Anh. Lỗi này trong khi dịch ở cấp độ ngữ pháp văn bản hoàn toàn đúng như nhận định của Larson (1998, p.443).

Vì vậy, cần thiết có thêm nhiều nghiên cứu hơn nữa để tìm hiểu về những hiện tượng liên kết được quan sát bước đầu trong nghiên cứu này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Người tham gia nghiên cứu là SV năm 3 hệ cử nhân ngoài sư phạm thuộc chuyên ngành Biên – phiên dịch. Có tất cả 36 SV, trong đó có 4 nam và 32 nữ trong độ tuổi 21-22. Đây là những SV đăng kí dự thi vào chuyên ngành Biên - phiên dịch của Khoa Tiếng Anh Trường ĐHSP TPHCM, vì thế, có thể nói năng lực tiếng khá tốt. Khi học chương trình này, ngoài việc được cung cấp lí thuyết dịch, SV còn được thực hành biên và phiên dịch theo ba mảng kiến thức chính là báo chí, thương mại và du lịch.

Do đề tài tìm hiểu cách dịch các mối liên kết văn bản của SV hệ Biên - phiên dịch, nên cách tiếp cận chung là *định tính* và phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là *phân tích văn bản*: Các bài dịch của SV được phân tích nhằm tìm hiểu cách xử lí những vấn đề thuộc liên kết văn bản như phép quy chiếu, phép tỉnh lược và phép sử dụng đại từ.

Cứ liệu được thu thập từ 9 bài báo dùng để giảng dạy được chúng tôi lấy từ các nguồn khác nhau. Tuy nhiên, sau khi cân nhắc đến các yếu tố như liên kết trong từng bài và đặc biệt là tính đại diện của các bài dịch, tác giả chỉ chọn đưa vào phân tích 4 bài sau:

Bài 1: Dịch Anh - Việt: Volkswagen staff acted criminally, says board member;

Bài 2: Dịch Việt - Anh: Việt Nam và đối tác đạt thỏa thuận TPP là một thất bại cho Trung Quốc;

Bài 3: Dịch Việt - Anh: Thổ Nhĩ Kì dọa bắn chiến đấu cơ Nga;

Bài 4: Dịch Việt - Anh: Hội nhập AFTA bắt buộc Việt Nam phải nâng cao nhiều hơn nữa chất lượng các loại sản phẩm của mình.

Quy trình thu thập cứ liệu được thực hiện thống nhất như sau cho toàn bộ các bài dịch: tiết đầu của giờ học được sử dụng để cho SV tự dịch bài; sau khi hết giờ, tác giả thu bài và tiến hành giờ giảng như bình thường.

Do liên kết chỉ là một phần trong số những vấn đề cần lưu ý trong quá trình phân tích bản dịch, nên khi đánh giá bản dịch, chúng tôi đọc kĩ toàn bộ phần dịch của SV, kể cả những phần không thuộc phạm vi đề tài. Sau đó mới đi vào những phần liên quan trực tiếp đến đề tài. Trước hết, chúng tôi tách ra những hiện tượng này trong bản dịch của SV và đưa vào bảng tổng kết phần dịch chi tiết của SV cho từng điểm liên kết được xem xét. Sau đó, chúng tôi xác định những điểm tương đồng trong cách xử lí và nhóm lại với nhau.

Những vấn đề liên quan đến liên kết cần được chú ý khi dịch bao gồm:

Bài 1: **1.** ***Olaf Lies*** ... ***He*** ... ***He*** … ***Mr Lies*** … ***He***… ***He***… **2.** We have to recall lots of cars and ***it*** has to… **3.** ***He*** added his apology to ***those*** already made … **4.** VW said ***it*** would inform… **5.** … until ***it*** clarified…

Bài 2: **1.1. …** ***đạt được thỏa thuận*** … đã đạt được sự thống nhất trong **1.2.** ***thỏa thuận TPP***... **2.** ***Các nước thành viên này*** ... **1.3.** Giới lãnh đạo Nhật Bản xem ***TPP*** ... **3.** … hiện không thể ***đưa ra bình luận về TPP***... **1.4.** … Washington vạch ra ***TPP*** nhằm …. **1.5.** … được mời gia nhập ***TPP***, …. **4.** … liệu cải cách... Nếu không thì ***Trung Quốc*** sẽ phải... **1.6.** ***TPP*** được cho là…

Bài 3: **1.1.** … ***giữa lúc*** **Ankara dọa sẽ đáp trả ... 2.** … lên án ***hành động của Moscow*** **3.** … Nhà Trắng cũng gọi ***động thái của Nga*** là… **1.2.** ***trong khi*** Ngoại trưởng Mĩ John Kerry tuyên bố … **4.** Ankara ***cho biết phải điều*** 2 chiến đấu cơ… **5.** … ***Vụ việc mới nhất*** khiến Ankara triệu tập…

Bài 4: **1.**… Việt Nam đã chính thức được công nhận ***là thành viên*** thực thụ… ***Là thành viên*** của… **2.** ***Việt Nam*** đã chính thức… ***Việt Nam*** chắc chắn … ***Việt Nam*** sẽ có thể bày tỏ … Mối liên kết của ***Việt Nam*** … **3.** … sẽ ***có được những lợi ích chính trị*** cũng như ***một tiếng nói mạnh mẽ hơn*** trong các vấn đề quốc tế. **4.** Tại diễn đàn của ASEAN … **5.1** Mối liên kết của ***Việt Nam*** với các nền kinh tế… ***Việt Nam*** trong việc… **5.2.** Liệu ***Việt Nam*** đã sẵn sàng… so với ***Việt Nam*** hay chưa?

4. Phân tích cứ liệu và bình luận kết quả nghiên cứu

4.1. Phân tích cứ liệu

4.1.1. Bài 1

Cứ liệu phân tích cho Bài 1 chỉ được lấy từ bài dịch của 25 SV. Đối với hiện tượng liên kết 1 – Olaf Lies … He … He … Mr. Lies … He … – có 8/25 SV dịch như sau: Ông Olaf Lies … Ông … Ông … Ông Lies ... Ông …. Cách dịch này cũng là cách dịch được gợi ý do bám sát ngôn ngữ nguồn và đa phần phù hợp với chuẩn mực trong ngôn ngữ đích dù rằng đối với trường hợp Mr. Lies, nghĩa là dùng danh xưng với họ, là điều không được xem là phù hợp với ngôn ngữ đích tiếng Việt do trong văn hóa Việt danh xưng thường được dùng với tên riêng, chứ không phải họ. Tuy vậy, có tới 17/25 chưa xử lí vấn đề liên kết một cách phù hợp với ngôn ngữ và văn hóa Việt khi dịch, chẳng hạn như sau: Olaf Lies … Ông ấy/ Ông Lies… Vị bộ trưởng/ Ông Olaf Lies/ Ngài Lies/ Ông Lies… Ông… Ông Olaf Lies/ Ông Lies / Ông ấy/ Ông ta….

Cách xử lí hiện tượng liên kết thứ 2, dùng đại từ "it" để quy chiếu hồi chỉ cả mệnh đề đứng ngay trước trong cùng một câu, được SV thực hiện khá tốt trong khi dịch với hình thức ngôn ngữ trong ngôn ngữ đích tiếng Việt tương đối chuẩn để chuyển tải nghĩa trong ngôn ngữ nguồn tiếng Anh. Có 4/25 SV dùng "điều này" khi dịch và đây cũng là bản dịch gợi ý cho hiện tượng liên kết dùng đại từ để quy chiếu hồi chỉ này. Các hình thái khác, chẳng hạn như việc này/ việc đó/ chuyện đó/ chuyện đó, cũng được SV (7/25) sử dụng, và theo đánh giá của chúng tôi, cũng có thể chuyển tải đúng nội dung ngữ nghĩa của "it" trong tiếng Anh. Cuối cùng, ngoại trừ một trường hợp chưa dịch, tất cả các SV còn lại (13/25) dùng cách xử lí khác trong ngôn ngữ đích tiếng Việt: bỏ hẳn từ này trong khi dịch cùng với sự điều chỉnh ý trong phần còn lại của mệnh đề. Cách xử lí này nhìn chung vẫn ổn thỏa về

mặt nghĩa của cả mệnh đề nên bản dịch có thể chấp nhận được. Cách xử lí này được đưa ra do hai mệnh đề trong cùng một câu khá ngắn và nghĩa của cả hai mệnh đề nói riêng và câu nói chung khá rõ.

Hiện tượng liên kết thứ 3, dùng đại từ chỉ định "those" để thay thế danh từ số nhiều "the apologies" để tránh sự lặp lại của danh từ "apology" trong cùng một câu được đánh giá là khó nhất trong bài dịch này. Chỉ có 4/25 SV chuyển tải đúng ngữ nghĩa của từ này từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích khi dịch: tiếp nối lời xin lỗi của các lãnh đạo hãng. Đa số, tới 18/25, ngoài ba trường hợp chưa dịch, không nhận ra phép liên kết này do không tường minh; vì vậy, nhiều cách dịch khác nhau được đưa ra mà đa phần là dựa vào việc "đoán" nghĩa, dẫn đến kết quả dịch không đúng như ý định ban đầu của tác giả trong ngôn ngữ nguồn: gửi lời xin lỗi đến các đơn vị công ti/đến những thành tựu có được bởi/vì những trục trặc…

Đối với hiện tượng liên kết 4, 4/25 dùng "hãng" hoặc "công ti" để dịch phép quy chiếu hồi quy dùng đại từ "it", 5/25 dùng đại từ trong ngôn ngữ đích nhưng đã chuyển sang ngôi thứ 3 số nhiều "họ", hay nói cách khác dùng hoán dụ trong khi dịch: Những người làm việc cho công ti để chỉ công ti. Có 5 trường hợp bỏ hẳn đại từ này trong khi dịch cho gọn hơn trong ngôn ngữ đích: VW sẽ thông báo. Cuối cùng, một số lượng khá lớn, 11/25 vẫn chưa dịch đoạn này.

Cuối cùng, đại từ "it" của liên kết 5 được 1/25 SV dịch là "công ti VW", còn lại là chưa dịch (23/25) và một trường hợp bỏ luôn đại từ này khi dịch.

4.1.2. Bài 2

Cứ liệu phân tích cho Bài 2 chỉ được lấy từ bài dịch của 29 SV. Đối với hiện tượng liên kết 1, có 3/29 trường hợp sử dụng… an agreement… the agreement… TPP… TPP … TPP. Việc sử dụng mạo từ bất định "an" trong câu đầu và mạo từ xác định "the" trong câu thứ 2 cho thấy SV có chú ý đến vấn đề liên kết trên câu trong khi dịch. Tuy vậy, khi đi xa hơn từ câu thứ 3 trở đi cho đến gần cuối bài, SV bắt đầu mất kiểm soát do không bao quát hết. Trong số 26 trường hợp còn lại, 21 sử dụng các hiện tượng ngữ pháp, đặc biệt là ở cấp độ trên câu, không theo bất kì quy luật nào cả: hoặc dùng mạo từ xác định ngay câu đầu tiên, hoặc không dùng mạo từ gì cả, hoặc dùng mạo từ "an" nhưng trong câu thứ 2 cũng lại dùng chính mạo từ bất định này hoặc không dùng gì cả.

Đối với hiện tượng liên kết 2, có 12/29 SV dùng mạo từ xác định "the" đi với các từ như "nations", "members", "countries", và "member states" để dịch nghĩa của "các nước thành viên này" do trước đó có nêu 12 nước, nên cách dịch này phù hợp với chuẩn mực trong ngôn ngữ Anh, điều này thể hiện SV có chú ý mối liên kết trên câu trong ngôn ngữ đích khi dịch. Tuy vậy, có đến 17/29 dùng những cách khác nhau để chuyển tải nội dung này và được phân tích thành 3 nhóm: không dùng mạo từ trước các danh từ "participating countries", "member countries", và "members" (7/29); dùng tính từ chỉ định "these" do

dịch từ từ "này" trong tiếng Việt (6/29); và chuyển đổi cấu trúc trong ngôn ngữ đích (4/29).

Kế đến, có 3/29 SV chọn cách dịch tỉnh lược do nghĩa đã khá tường minh trong ngữ cảnh của các câu trước. Vì vậy, khi dịch không có "về TPP": "… give any comments/ not been any comments yet" Cách dịch này hoàn toàn phù hợp với liên kết trên câu trong tiếng Anh. Chính vì vậy, trong tiếng Anh, người bản ngữ viết: "officials weren't immediately available to comment." Ngoài 3 trường hợp chưa dịch, tất cả các trường hợp còn lại được chia thành 2 nhóm: dịch đầy đủ, nghĩa là không có tỉnh lược: "commented on the TPP agreement/ comments over the TPP" (4/29), và không dùng mạo từ gì khi dịch: "to give comments/ not comment on TPP" (19/29). Rõ ràng, SV thuộc nhóm đầu có nhận thức về vấn đề liên kết trong khi dịch tốt hơn nhóm thứ hai.

Có tới 25/29 SV không kịp dịch hiện tượng liên kết cuối cùng do dịch chậm khi thời gian làm bài đã hết. Tuy vậy, số SV dịch cũng có thể cho chúng ta hình dung cách SV xử lí từ "Trung Quốc" trong khi dịch: 4 SV dùng từ China trong tiếng Anh, nghĩa là quy chiếu hồi quy dùng phép lặp từ vựng hoàn toàn. Như vậy, SV dựa vào vào chuẩn mực tiếng Việt để dịch sang tiếng Anh dù rằng người Anh trong tình huống này sử dụng phương tiện khác: dùng đại từ nhân xưng "it" để thay thế "China" nhằm tránh lặp từ vựng hoàn toàn trong tiếng Anh, như được gợi ý trong bản dịch.

4.1.3. Bài 3

Cứ liệu phân tích cho Bài 3 được lấy từ bài dịch của 34 SV. Đối với liên kết 1, chỉ có 8/34 SV dùng "and" trong tiếng Anh. Tuy vậy, chỉ có 3 trong số này thực sự dịch, còn những trường hợp còn lại đều được xác định là chép lại. Đối với 3 trường hợp tự dịch thì cả 3 trường hợp đều dùng liên từ "and" cho trường hợp sau, còn trường hợp đầu dùng các hình thái khác nhau: "while", "Concurrently", và "when". Có tới 24/34 SV dùng các hình thái khác khá giống với ngôn ngữ nguồn tiếng Việt: "while" và "when" cho cả 2 vị trí theo các kết hợp: while + while, when + when, while + when, hoặc when + while. Có 2 SV chọn bỏ liên từ thứ 2 trong khi dịch.

Đối với hiện tượng liên kết thứ 2, 3/34 dùng "the" hoặc "this" trước danh từ "Mowcow's move/actions", 20/34 không dùng "the" hoặc "this" trước các danh từ như "actions", "act(s)", hoặc "incursions", 7/34 dùng cách diễn đạt: the + danh từ "behaviour/action(s)/incursions + of Moscow, 4/34 đổi cấu trúc khi dịch, và 1/34 chưa kịp dịch.

Đối với hiện tượng liên kết 3, 11/34 dùng mạo từ xác định "the" trước danh từ, 8/34 không dùng mạo từ gì cả, 10/34 dùng đại từ chỉ định (this/ that) hoặc đại từ nhân xưng ngôi thứ ba số ít (it) một mình hoặc dùng "this" trước một danh từ behavior/ action, 2/34 dùng các diễn đạt có nhóm từ bắt đầu bằng một giới từ phía sau (mạo từ xác định "the" + danh từ conduct/actions + of Moscow/Russia) và 3/34 chọn đổi cấu trúc. Cần lưu ý là đối với trường hợp 11 SV dùng mạo từ xác định "the" trước "Russian move". Đây là cách dùng

chuẩn trong ngôn ngữ đích tiếng Anh do quy chiếu hồi chỉ vào việc xâm phạm không phận được đề cập trong câu trước. Tuy vậy, có đến 9 SV được xác định không tự dịch.

Để xử lí vấn đề tỉnh lược khi dịch trong hiện tượng liên kết 4, ngoài 1 trường hợp chưa dịch, SV dùng tường minh đại từ nhân xưng "they" để quy chiếu hồi chỉ danh từ "Ankara" trong mệnh đề chính (18/34), đổi sang cấu trúc bị động (7/34), đổi cấu trúc (4/34), hoặc chọn bỏ không dịch (4/34).

Để chuyển tải liên kết cuối cùng, ngoài 9 trường hợp chưa dịch, SV dùng hình thái so sánh cao nhất của tính từ late hoặc recent với danh từ (17/34), dùng "this" và "that" một mình hoặc dùng "this" với nhóm từ có từ chính là danh từ (4/34), đổi cấu trúc (1/34), và bỏ không dịch (3/4). Trong nhóm 17 SV, có 7 dùng danh từ "incident". Trong ngữ cảnh này, thì đây là từ vựng được đánh giá là khá chuẩn để chuyển tải nghĩa từ tiếng Việt vì rất phù hợp với tiếng Anh.

4.1.4. Bài 4

Cứ liệu phân tích cho Bài 3 được lấy từ bài dịch của 32 SV. Đối với liên kết 1, 25/32 dùng member trong tiếng Anh cho cả hai câu. Đáng chú ý là việc sử dụng mạo từ "a" trước cả hai danh từ này trong cả hai câu. Có 4/32 thay từ "member" trong câu 2 bằng từ "part". Cả 4 SV đều dùng mạo từ bất định "a" với câu 1, còn đối với câu 2, chỉ có một SV là không dùng mạo từ bất định "a", còn ba trường hợp còn lại đều dùng. Có 3/32 đổi cấu trúc khi dịch "là thành viên" trong câu thứ 2, còn câu đầu thì như phân tích trên: "After this event/Therefore".

Đối với hiện tượng liên kết 2, gần như toàn bộ SV dựa vào ngôn ngữ nguồn tiếng Việt để chuyển sang tiếng Anh khi dịch lặp từ vựng hoàn toàn "Việt Nam" trong 3 câu liền kề. Còn đối với "của mình", hình thái SV cũng khá đa dạng dù rằng hình thái chuẩn trong ngôn ngữ đích tiếng Anh không nhiều. Cụ thể, 6/25 dùng "its" khi dịch "của mình" để quy chiếu danh từ "Việt Nam" dùng trước đó trong câu và dịch cả ba câu là: "… Vietnam… Vietnam… Vietnam… its". Cách dùng tính từ sở hữu như thế này là chuẩn trong ngôn ngữ đích tiếng Anh dù rằng trước đó dùng lặp từ vựng hoàn toàn là không theo chuẩn mực của ngôn ngữ đích. Có 9/32 dùng số nhiều của ngôi thứ ba "their", hoặc số nhiều của ngôi thứ nhất "our". Các ngôi này rõ ràng là không phù hợp trong ngữ cảnh này theo chuẩn của ngôn ngữ đích, đặc biệt là ngôi thứ nhất số nhiều "our". Có 15/32 chọn dùng cách diễn đạt không phải sở hữu cách khi dịch. Cuối cùng, 2/32 dùng từ đồng nghĩa "country" hay "nation".

Đối với hiện tượng liên kết thứ 3, chỉ có 2/32 xác định được đây là hiện tượng tỉnh lược trong tiếng Việt và có ý thức dùng một động từ trong tiếng Anh để dịch mệnh đề tỉnh lược sau trong ngôn ngữ nguồn: "… gain more voice/have stronger voice…". Trong khi đó, đa số (21/32) bám sát ngôn ngữ nguồn, vì vậy chỉ sử dụng danh ngữ như sau khi dịch: (a) strong(er) voice/ its own voice/ more powerful voice. Có 7/32 dùng các động từ và danh từ theo sau tương đối khác biệt so với nhau cũng như so với ngôn ngữ nguồn: "…

will be able to voice/have stronger power/has the strong power/has stronger influence/ raised its voice/have a strong statement/have a stronger position… Chỉ có 2/32 SV dùng danh từ khi dịch: "stronger impact/a strong influence".

Đối với hiện tượng liên kết 4, 2/32 dùng mạo từ xác định "the" trước danh ngữ: "At/In the ASEAN's conference…", 25/32 không dùng mạo từ trước danh ngữ, trong đó có 3 danh từ khác nhau được sử dụng và các giới từ cũng vậy: "At/In/On ASEAN('s) forum(s)/conference/ tribune…", 5/32 sử dụng cách diễn đạt tương đối dài dòng hơn 2 nhóm đầu: "At/In the rostrum/ forum/ platform/ conference of ASEAN…."

Đối với liên kết cuối cùng, SV chủ yếu dựa vào ngôn ngữ đích tiếng Việt khi chuyển dịch sang ngôn ngữ nguồn tiếng Anh: 5/32 dùng lặp từ vựng hoàn toàn cho câu đầu còn câu thứ 2 thì sử dụng tính từ sở hữu cho danh từ Việt Nam thứ 2 trong câu này. Mặc dù chỉ có tính từ sở hữu "its" là chuẩn trong trường hợp này, nhưng cũng có thể thấy SV dùng cả ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất số nhiều: "… Vietnam… Vietnam… Vietnam… its / (as) their / our…."

4.1.5. Tổng kết phần phân tích 4 bài dịch

Để tạo điều kiện cho việc bình luận kết quả nghiên cứu ở phần tiếp theo, Bảng 1 tổng kết phân tích cứ liệu của tất cả 4 bài. Có thể thấy trong số 4 bài, SV giải quyết vấn đề liên kết trong khi dịch tốt nhất ở Bài 1 với 22,4%, tiếp theo là Bài 2 với 15,5%, kế đến là Bài 4 với 9,4%, và cuối cùng là Bài 3 với chỉ 5,9%.

Nhìn chung, phần xử lí liên kết trong dịch thuật kể cả từ Việt sang Anh lẫn từ Anh sang Việt là chưa được như mong muốn, với tần số 71/572, chiếm chỉ 12,4%. Trong số ba mối liên kết – quy chiếu, tỉnh lược, và liên từ – thì phần xử lí liên kết dùng quy chiếu của SV là tốt nhất với 14,3%, tiếp theo là dùng liên từ với 8,8%, và cuối cùng là tỉnh lược chỉ với 5,2%.

Đối với liên kết dùng quy chiếu, cách xử lí liên kết dùng đại từ nhân xưng được đánh giá là tốt nhất với 18,1%, tiếp theo dùng mạo từ xác định với 11,6%, và cuối cùng là dùng đại từ chỉ định với 10,2%.

Bảng 1. *Tổng kết phần dịch của SV cho 4 bài*

TT	Văn bản / Liên kết		Bài dịch 1		Bài dịch 2		Bài dịch 3		Bài dịch 4		Tổng: Tần số	Tổng: Phần trăm
1	**Quy chiếu**											
	1.1	Mạo từ xác định *the*			1	thỏa thuận TPP (3/29)	2	lên án hành động … (3/34)	1	là thành viên (0/32)	**22/190**	**11,6%**
					2	Các nước này (12/29)	3	gọi động thái … (2(11)/34)	4	Tại diễn đàn … (2/32)		
	1.2	Đại từ chỉ định	3	Those (4/25)			5	vụ việc mới nhất này … (2(4)/34)			**6/59**	**10,2%**
	1.3	Đại từ nhân xưng – Mệnh đề	2	it (11/25)							**35/193**	**18,1%**
		Đại từ nhân xưng – Danh từ	1	Olaf Lies … He … He … (8/25)	4	Trung Quốc (0/29)			2	Việt Nam ... của mình (6/32)		
			4	it (4/25)					5	… Việt Nam … (5/32)		
			5	it (1/25)								
										Tổng:	**63/442**	**14,3%**
2	**Tỉnh lược**											
					3	đưa ra bình luận về TPP (3/29)	4	Ankara cho biết phải điều … (0/34)	3	một tiếng nói … (2/32)	**5/96**	**5,2%**
3	**Liên từ**											
							1	giữa lúc … trong khi (3(8)/34)			**3/34**	**8,8%**
	Tổng:		**28/125 = 22,4%**		**18/116 = 15,5%**		**10/170 = 5,9%**		**15/160 = 9,4%**		**71/572**	**12,4%**

4.2. Bình luận kết quả nghiên cứu

4.2.1. Vấn đề SV gặp phải

SV còn gặp khá nhiều khó khăn trong quá trình chuyển dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác do hai ngôn ngữ Anh và Việt sử dụng hình thái khác nhau để chuyển tải cùng một loại nghĩa. Những khó khăn này bao gồm từ vựng, ngữ pháp, và đặc biệt là các mối liên kết trong câu và trên câu.

Nhìn chung, trong tất cả 4 bài cách xử lí các vấn đề liên quan đến liên kết câu và văn bản của SV còn khá nhiều điều cần bàn. Đối với các trường hợp có liên kết trên câu, câu tiếp theo, nghĩa là câu thứ hai, đã gây khó khăn cho SV, trong khi còn chưa nói đến các câu tiếp theo. Chính vì vậy, SV thường "mất kiểm soát" trong những trường hợp như thế khi dịch. Lí do có thể là việc sử dụng hình thái trong ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích không giống nhau. Điều này đúng không chỉ cho các mối liên kết trên câu mà cả trong câu.

Trong 4 bài thì phép tỉnh lược gây khó khăn nhất cho người dịch. Cứ liệu được phân tích, diễn giải và tổng kết trong phần trước cho thấy rõ điều này. Tuy ít xuất hiện trong văn bản, chỉ xuất hiện trong ba bài cuối và chỉ một lần trong từng bài, nhưng khó khăn gây ra là rất lớn. Có trường hợp phân tích bản dịch trước khi dịch, SV không nghĩ rằng có hiện tượng tỉnh lược, như với Bài 2 và 4, do ngữ cảnh khó xác định, hoặc thậm chí như với trường hợp Bài 2 khá dễ để xác định, nhưng SV vẫn cảm thấy lúng lúng và buộc phải chuyển sang cấu trúc khác trong ngôn ngữ đích để thay thế, vô tình đánh mất nét nghĩa ban đầu được lồng ghép trong ngôn ngữ nguồn. Thậm chí trong khá nhiều trường hợp SV xác

định được hiện tượng liên kết dùng phép tỉnh lược nhưng lại dùng hình thái không phù hợp trong ngôn ngữ đích mặc dù nếu suy luận theo ngôn ngữ nguồn thì vẫn ổn.

Liên kết dùng liên từ là khó khăn tiếp theo sau phép liên kết dùng tỉnh lược. Dù xuất hiện chỉ trong một bài, Bài 3, nhưng đây cũng có thể được xem là một trong những hiện tượng gây khó cho SV. Có thể lí giải như sau: Trong quá trình dịch, bước đầu tiên là phân tích bản dịch, xác định loại *nghĩa* được người viết ngôn ngữ nguồn lồng ghép vào và sau đó chuyển tải loại nghĩa này sang ngôn ngữ đích dùng các hình thái phù hợp. Rõ ràng, việc chưa xác định đúng nghĩa của từng mệnh đề và mối quan hệ về nghĩa giữa hai mệnh đề trong cả hai câu dẫn đến việc chuyển tải thông điệp khác với ý định ban đầu của tác giả trong ngôn ngữ nguồn. Trong cả hai câu, hình thái của liên từ dễ gây ngộ nhận, và vì vậy, cách xử lí là không ổn xét theo các chuẩn mực của ngôn ngữ đích tiếng Anh.

Cuối cùng, liên kết dùng quy chiếu với mạo từ xác định "the", đại từ chỉ định "those", và đại từ nhân xưng dùng để quy chiếu cả danh từ lẫn mệnh đề xuất hiện với tần số khá cao trong văn bản nói chung và tập hợp các bài dịch được chọn nói riêng và chiếm tần số cao nhất trong số 3 phép quy chiếu trong các bài dịch. Tuy khá phổ biến và SV cũng có nhận thức khá tốt về vấn đề liên kết này nhưng trên thực tế đa số vẫn còn gặp khá nhiều khó khăn.

Trong số ba nhóm của phép quy chiếu, hai nhóm đầu với cách dùng mạo từ xác định và đại từ chỉ định rõ ràng là gây nhiều khó khăn hơn, gấp đôi so với nhóm cuối cùng – dùng đại từ nhân xưng. Đối với mạo từ xác định, khó khăn là do SV không nghĩ có mối liên kết với ý đã trình bày trước đó, do liên kết ý vẫn còn trong các câu tiếp theo nữa, hoặc do hình thức diễn đạt ý nghĩa ngữ pháp khác nhau trong hai ngôn ngữ – tiếng Việt dùng các phương tiện từ vựng để chuyển tải nghĩa ngữ pháp, trong khi tiếng Anh có phương tiện ngữ pháp là dùng mạo từ xác định "the" để diễn đạt ý nghĩa xác định. Vì vậy, cách diễn đạt trong tiếng Anh đối với hiện tượng liên kết này thường gãy gọn hơn, không cần dùng nhiều từ vựng như trong tiếng Việt.

Quy chiếu dùng đại từ chỉ định cũng là vấn đề khá phức tạp do phải xác định được vật quy chiếu không phải là dễ trong hai trường hợp được xem xét, một trong tiếng Anh và một trong tiếng Việt. Thêm vào đó, hình thái biểu đạt nghĩa ngữ pháp là hoàn toàn khác trong ngôn ngữ nguồn và đích. Vì vậy, tuyệt đại đa số SV không chuyển tải đúng nghĩa bằng hình thái phù hợp ngữ pháp trong ngôn ngữ đích.

Quy chiếu dùng đại từ nhân xưng tuy có dễ hơn đối với SV so với 2 loại liên kết dùng mạo từ xác định và đại từ chỉ định, nhưng không nhiều SV có thể xử lí tốt. Có thể thấy rõ là trong tiếng Anh việc sử dụng đại từ nhân xưng để quy chiếu là có nguyên tắc và các nguyên tắc này khá chặt chẽ. Nói cách khác, việc xử dụng đại từ hay danh từ đều có lí do. Trong tiếng Việt cũng có những quy luật tương tự như vậy. Tuy nhiên, do cơ chế vận hành trong hai ngôn ngữ là khác nhau, đặc biệt khi vượt ra khỏi ranh giới của câu, nên khá nhiều SV phạm lỗi trong khi dịch vì không phải SV nào cũng nhận thức rõ điều này.

Trong cả bốn bài dịch, có thể nhận thấy rõ việc dùng mạo từ xác định "the" gây khó khăn lớn nhất cho người học do hình thái ngữ pháp trên câu được sử dụng trong hai ngôn ngữ Anh và Việt là hoàn toàn khác nhau. Nếu tiếng Anh dùng phương tiện liên kết hình thức khá tường minh, thì tiếng Việt chủ yếu phải dựa vào việc phân tích ngữ cảnh hoặc dùng các hình thái có thể gây ngộ nhận. Chính điều này giải thích những lỗi người học phạm phải khi dịch những hiện tượng liên quan đến quy chiếu dùng phương tiện này.

Quy chiếu dùng đại từ chỉ định cũng gây rất nhiều khó khăn cho SV do việc xác định vật quy chiếu là không dễ trong các trường hợp quan sát được, đặc biệt là khi vật được quy chiếu bằng đại từ không rõ trong ngữ cảnh hoặc khi vật quy chiếu là ý của cả một mệnh đề chứ không phải một vật được giới thiệu trước đó. Việc xác định không chính xác có thể dẫn đến việc chuyển tải loại nghĩa không như ý định ban đầu của người viết trong ngôn ngữ nguồn.

Cuối cùng, quy chiếu dùng đại từ nhân xưng, so với việc dùng mạo từ xác định "the" và đại từ chỉ định "this"/ "that"/ "those" là khá quen thuộc với SV và gây ít khó khăn hơn. Tuy vậy, do SV vẫn còn dựa nhiều vào chuẩn mực của ngôn ngữ nguồn và sử dụng hình thái để chuyển tải loại nghĩa cần thiết không theo chuẩn mực của ngôn ngữ đích nên đa phần lỗi vẫn xảy ra.

4.2.2. Cách xử lí của SV

Nhìn chung, khi gặp phải những vấn đề thuộc liên kết, đặc biệt là liên kết trên câu, thì SV thường dựa vào các chuẩn mực của ngôn ngữ nguồn để xử lí. Nói cách khác, SV chuyển di các hình thái sẵn có trong ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích dù rằng trong đa số các trường hợp đang xét, cách làm này của người học để giảm bớt gánh nặng trong dịch thuật không phải lúc nào cũng phát huy tác dụng. Đây là cách xử lí được sử dụng xuyên suốt bốn bài dùng làm cứ liệu cho đề tài này.

Cụ thể, đối với liên kết dùng phép quy chiếu, SV dùng phương pháp dịch bám sát ngôn ngữ nguồn và đây cũng là phương pháp dịch chủ đạo có thể quan sát được khá rõ trong toàn bộ bốn bài được chọn để thu thập cứ liệu vào đưa vào phân tích. Nói cách khác, chuẩn mực trong ngôn ngữ nguồn được khai thác triệt để khi chuyển tải nghĩa sang ngôn ngữ đích, đặc biệt là trong các tình huống dịch mà SV gặp khó khăn trong việc xác định loại nghĩa theo ý định của người viết trong ngôn ngữ nguồn hoặc khi không bao quát được văn bản do các mối liên kết ý không phải lúc nào cũng tường minh.

Tỉnh lược được xem là khó nhất trong số ba phương tiện liên kết hình thức tìm thấy trong bốn bài dịch. Nhìn chung, do việc xác định có tỉnh lược hay không trong giai đoạn phân tích chưa được làm kĩ hoặc khó nhận diện, nên SV chọn giải pháp dịch dùng một trong các phương pháp bám sát ngôn ngữ nguồn. Cũng có vài SV nhận thức được hiện tượng liên kết này và cố gắng tìm hình thái phù hợp để chuyển tải nghĩa trong khi dịch, nhưng số SV có nhận thức về việc dùng tỉnh lược trong liên kết còn rất thấp.

Cuối cùng, liên từ như là phương tiện liên kết hình thức được xem xét trong tập hợp bốn bài dịch chỉ có một. Cũng như các trường hợp trên, đại đa số SV chọn cách dịch bám sát hình thái ngôn ngữ nguồn mà không đầu tư thời gian vào việc phân tích loại nghĩa theo ý định của tác giả ngôn ngữ nguồn trong trường hợp được xem là hình thái dễ gây ngộ nhận.

5. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi rút ra hai kết luận chính sau đây:

- Trong số 3 phép liên kết xác định được trong 4 bài dịch – quy chiếu, tỉnh lược và liên từ – thì khó khăn lớn nhất SV gặp phải là dịch các hiện tượng tỉnh lược, theo sau là dùng liên từ và cuối cùng là quy chiếu. Đối với hiện tượng quy chiếu, chiếm tần số áp đảo trong các bài dịch được chọn là quy chiếu dùng mạo từ xác định và đại từ chỉ định, gây rất nhiều khó khăn cho người học. Còn quy chiếu dùng đại từ nhân xưng, so với việc dùng mạo từ xác định và đại từ chỉ định tuy có dễ hơn, nhưng SV cũng chưa xử lí tốt do cơ chế hành chức trong hai ngôn ngữ Anh và Việt đối với các vấn đề liên kết, đặc biệt là liên kết trên câu là khác nhau.
- Có thể thấy trong phần lớn các trường hợp khi gặp khó khăn do không xác định được liên kết trong câu, trên câu hoặc do hình thái không tương đồng trong hai ngôn ngữ, SV thường dùng phương pháp dịch bám sát vào ngôn ngữ nguồn như là cứu cánh duy nhất để có thể vượt qua nhiều khó khăn trong quá trình dịch. Chiến lược này được áp dụng cho cả ba phép liên kết – quy chiếu, tỉnh lược và liên từ. Dù đây không phải là sự lựa chọn tốt nhất nhưng thiết nghĩ cũng giúp người học phần nào giải quyết những khó khăn trong quá trình dịch của mình. Cũng có SV, dù số lượng không nhiều, có nhận thức về vấn đề liên kết trong câu và trên câu, nhưng do ảnh hưởng tiếng mẹ đẻ hay do chưa được nâng cao nhận thức về liên kết văn bản (hoặc có nhưng chưa được nhiều), nên chưa tìm được hình thái phù hợp trong ngôn ngữ đích để chuyển tải nghĩa như ý định ban đầu của tác giả trong ngôn ngữ nguồn.

❖ ***Tuyên bố về quyền lợi:*** *Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bell, R. T. (1991). *Translation and translating: Theory and practice*. London: Longman.

Ha Van Buu (2004). *English-Vietnamese and sentence patterns* (3rd ed.) [*Nhung mau cau Anh - Viet Viet – Anh*]. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City General Publisher.

Halliday, M. A. K. (1978). *Language as social semiotic: The social interpretation of language and meaning*. Maryland: University Park Press.

Halliday, M. A. K., & Hasan, R. (1976). *Cohesion in English.* London: Longman.

Larson, M. L. (1998). *Meaning-based translation: A guide to cross-language equivalence* (2nd ed.). Lanham: University Press of America, Inc.

Munday, J. (2008). *Introducing translation studies: Theories and applications* (2nd ed.). London: Routledge.

Newmark, P. (1988). *A textbook of translation.* New York: Prentice Hall.

Nguyen Thanh Luong (2000). *Basic methods of translating from Vietnamese into English and grammar* [*Phuong phap co ban dich Viet – Anh va ngu phap*]. Dongnai Publisher.

Nguyen Thanh Tung (2009). Translation: From theory to practice [Bien dich: Tu li thuyet den thuc te]. *Journal of Science of Ho Chi Minh City University of Education, 17*(51), 25-35.

Nguyen Thanh Tung (2013). *Problems of textual grammar in translation by juniors at the English Department of Ho Chi Minh City University of Education* [*Van de ngu phap van ban trong dich thuat cua sinh vien nam thu 3 Khoa Tieng Anh, Truong Dai hoc Su pham Thanh pho Ho Chi Minh*]. University-level Research coded CS.2012.19.02. Ho Chi Minh City University of Education.

Tran Ngoc Them (1985). *Textual cohesion in Vietnamese* [*He thong lien ket van ban tieng Viet*]. Hanoi: Publisher of Social Sciences.

Xue, W., & Xie, Y. (2004). Thematic progression in translation. *International Journal of Educational Engineering, 2.*

THE HANDLING OF COHESION IN JOURNALISM TRANSLATION BY STUDENTS AT THE ENGLISH DEPARTMENT IN HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

Nguyen Thanh Tung

Ho Chi Minh City University of Education

Corresponding author: Nguyen Thanh Tung - Email: tungnth@hcmue.edu.vn

Received: February 02, 2019; Revised: March 22, 2019; Accepted: February 10, 2020

ABSTRACT

This article investigates how students of translation and interpretation major deal with textual cohesion in their translation. Theory of textual cohesion is adopted from Halliday (1976) and Tran Ngoc Them (1985). Data were collected from a set of 4 texts for journalism translated by 36 juniors of the English Department in the Ho Chi Minh City University of Education. The findings of the study indicate that the students encounter considerable problems in dealing with textual cohesion in their translation, of which the greatest difficulty is ellipsis, followed by conjunction and then reference. Encountering these problems, they usually have recourse to the norms of the source language.

Keywords: cohesion; ellipsis; conjunction; reference; source language; target language